

Trụ Năm 1988			Trụ Tháng 08			Trụ Ngày 30			Trụ Giờ 22:01		
Thương MẬU	THÌN	Bệnh Q.Đói	Tài CANH	THÂN	L.Quan	Thân ĐỊNH	Kiếp TỴ	M.Dục	T.Tài TÂN	HỢI	Đ.Vượng
Mậu	Ất	Quý	Canh	Mậu	Nhâm	Bính	Mậu	Đ.Vượng	Đ. Vượng	M.Dục	M.Dục
Thương	Kiêu	Sát	Tài	Thương	Quan	Kiếp	Thương	Canh	Tài	Nhâm	Nhâm
Bệnh	Thai	Tử	L.Quan	Bệnh	T.Sinh	Bệnh	Bệnh	Tài	T.Sinh	Án	Án
Suy			Mộc Dục			Đế Vượng			Thai		
Hoa Cái	Thiên La		Văn Xương	Giáp Lộc		Kinh Dương		Thiên Át QN		Đại Hao	
Hồng Diễm			Kim Dư	Thái Dương		Kiếp Sát		Dịch Mã			
Thái Cực			Vong Thần	Thiên Hỷ		Quả Tú		Vong Thần			
Đức Quý Nhân			Phúc Tinh			Cô Loan Sát		Phúc Tinh			
Đại Vận 0 (0 - 1 tuổi)			Đại Vận 1 (2 - 11 tuổi)			Đại Vận 2 (12 - 21 tuổi)			Đại Vận 3 (22 - 31 tuổi)		
Tài CANH	THÂN	L.Quan	T.Tài TÂN	DẬU	L.Quan	Quan NHÂM	TUẤT	Q.Đói	Sát QUÝ	HỢI	Đ.Vượng
Canh	Mậu	Nhâm	Tân	T.Tài		Mậu	Đinh	Tân	Giáp	Nhâm	
Tài	Thương	Quan	T.Tài	L.Quan		Thương	Tý	T.Tài	Án	Quan	
L.Quan	Bệnh	T.Sinh				Mộ	Dưỡng	Q.Đói	T.Sinh	L.Quan	
Đại Vận 4 (32 - 41 tuổi)			Đại Vận 5 (42 - 51 tuổi)			Đại Vận 6 (52 - 61 tuổi)			Đại Vận 7 (62 - 71 tuổi)		
Án GIÁP	TÝ	M.Dục	Kiêu ÁT	SƯU	Suy	Kiếp BÍNH	DÀN	T.Sinh	Tý ĐINH	MÃO	Bệnh
	Quý		Kỷ	Tân	Quý	Giáp ÁN	Bính	Mậu	Át	Kiêu	
	Sát		Thực	T.Tài	Sát	Án	Kiếp	Thương	Kiê	L.Quan	
	L.Quan		Mộ	Dưỡng	Đói	L.Quan	T.Sinh	T.Sinh			
Đại Vận 8 (72 - 81 tuổi)			Đại Vận 9 (82 - 91 tuổi)			Đại Vận 10 (92 - 101 tuổi)			Đại Vận 11 (102 - 111 tuổi)		
Thương MẬU	THÌN	Q.Đói	Thực KỶ	TÝ	Đ.Vượng	Tài CANH	NGỌ	M.Dục	T.Tài TÂN	MÙI	Suy
Mậu	Ất	Quý	Bính	Mậu		Đinh	Kỷ		Đ. Vượng	Át	Đinh
Thương	Kiêu	Sát	Kiếp	Thương	Tài	T. Tài	TÝ	T.Sinh	Thiên	Kiê	Tý
Q.Đói	Q.Đói	Dưỡng	L.Quan	L.Quan	T.Sinh	L.Quan	L.Quan	L.Quan	Đ. Vượng	Dưỡng	Q.Đói

Thương MẬU	1988	1 tuổi	Thực KỶ	1989	2 tuổi	Tài CANH	1990	3 tuổi	T.Tài TÂN	1991	4 tuổi	Quan NHÂM	1992	5 tuổi
Sát QUÝ	1993	6 tuổi	Án GIÁP	1994	7 tuổi	Kiêu ÁT	1995	8 tuổi	Kiếp BÍNH	1996	9 tuổi	Tỷ ĐINH	1997	10 tuổi
Thương MẬU	1998	11 tuổi	Thực KỶ	1999	12 tuổi	Tài CANH	2000	13 tuổi	T.Tài TÂN	2001	14 tuổi	Quan NHÂM	2002	15 tuổi
Sát QUÝ	2003	16 tuổi	Án GIÁP	2004	17 tuổi	Kiêu ÁT	2005	18 tuổi	Kiếp BÍNH	2006	19 tuổi	Tỷ ĐINH	2007	20 tuổi
Thương MẬU	2008	21 tuổi	Thực KỶ	2009	22 tuổi	Tài CANH	2010	23 tuổi	T.Tài TÂN	2011	24 tuổi	Quan NHÂM	2012	25 tuổi
Sát QUÝ	2013	26 tuổi	Án GIÁP	2014	27 tuổi	Kiêu ÁT	2015	28 tuổi	Kiếp BÍNH	2016	29 tuổi	Tỷ ĐINH	2017	30 tuổi
Thương MẬU	2018	31 tuổi	Thực KỶ	2019	32 tuổi	Tài CANH	2020	33 tuổi	T.Tài TÂN	2021	34 tuổi	Quan NHÂM	2022	35 tuổi
Sát QUÝ	2023	36 tuổi	Án GIÁP	2024	37 tuổi	Kiêu ÁT	2025	38 tuổi	Kiếp BÍNH	2026	39 tuổi	Tỷ ĐINH	2027	40 tuổi
Thương MẬU	2028	41 tuổi	Thực KỶ	2029	42 tuổi	Tài CANH	2030	43 tuổi	T.Tài TÂN	2031	44 tuổi	Quan NHÂM	2032	45 tuổi
Sát QUÝ	2033	46 tuổi	Án GIÁP	2034	47 tuổi	Kiêu ÁT	2035	48 tuổi	Kiếp BÍNH	2036	49 tuổi	Át ĐINH	2037	50 tuổi
Thương MẬU	2038	51 tuổi	Thực	2039	52 tuổi	Tài	2040	53 tuổi	T.Tài	2041	54 tuổi	Quan	2042	55 tuổi

MÃU	NGỌ	Đ.Vượng	KÝ	MUI	Q.Đời	CANH	I HAN	L.Quan	I AN	ĐÃU	L.Quan	NHAM	I UAI	Q.Đời
Sát QUÝ	2043	56 tuổi	Án GIÁP	2044	57 tuổi	Kiêu ÁT	2045	58 tuổi	Kiếp BÍNH	2046	59 tuổi	Tỷ ĐINH	2047	60 tuổi

Kim Hòa Thủy Thủ Mộc **⚡ Thiền khắc địa xung**

## Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tú trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tú trụ, bát tự hay tú trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bù khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tú trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tú trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tú trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tú trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tú trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

## Phân Tích Lá Số Tú Trụ

### Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trù năm **Thìn Thổ** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trù tháng **Thân Kim** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trù ngày **Tỵ Hỏa** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trù giờ **Hợi Thủy** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Sự thông cǎn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Cǎn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 0/10

### Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm **Mậu** sinh tháng **Thân** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Canh** sinh tháng **Thân** tọa ở **Lâm Quan** nên được Lệnh tháng.

Can Ngày **Đinh** sinh tháng **Thân** tọa ở **Mộc Dục** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ **Tân** sinh tháng **Thân** tọa ở **Đế Vượng** nên được Lệnh tháng.

**Thai nguyên:** Tân **Hợi** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

**Thai Tức:** **Nhâm** **Thân** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Hợi Thân này bị tương hại cho nhau, hơi xấu.

### Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên Tân **Hợi** nạp âm là Kim, gặp cung mệnh **Nhâm Tuất** nạp âm là **Thủy** là tương sinh, theo lý là cuộc đời Quý Anh được phúc lộc.

Thai nguyên Tân **Hợi** nạp âm là Kim, gặp trụ năm **Mậu Thìn** nạp âm là **Mộc** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên Tân **Hợi** nạp âm là Kim, gặp trụ tháng **Canh Thân** nạp âm là **Mộc** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên Tân **Hợi** nạp âm là Kim, gặp trụ ngày **Đinh Ty** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên Tân **Hợi** nạp âm là Kim, gặp trụ giờ Tân **Hợi** nạp âm là Kim là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi già cuộc sống bình hòa.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

### Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Mậu Thìn** là **Thổ** **Thổ** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Canh Thân** là **Kim** **Kim** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Đinh Ty** là **Hỏa** **Hỏa** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ Tân **Hợi** là **Kim** sinh **Thủy**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chưa được tốt cho lắm, chưa lưu thông vẫn còn trở ngại, tuy nhiên chỉ cần khi thời cơ đến làm dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 5/8

### Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi Đinh Ty và Mậu Thìn này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Ty Thân này là lục hợp Thủy cục, hơi tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Đinh Ty và Tân Hợi này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

### Thân Vượng: **Hỏa** 31/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân **Hỏa** Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **31/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **20/36** điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân**

**Vượng Hỏa.** Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng Hỏa thì dụng thần nên là **Thủy** để khắc bớt **Hỏa**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

## Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiềm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

### Dụng Thần: **Mộc** **Thủy** (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

#### Dụng Thần là Mộc (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cây giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tố chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Anh vì **Mộc** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

#### Dụng Thần là Thủy (dụng thần 2)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dịch vụ lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rác, nước chảy, cảng khâu, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm tươi sống, phiêu du, lướt sóng; các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biển diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sĩ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Anh vì **Thủy** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

## Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt

cho thân vượng và có cái sê tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hâm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

### Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Mậu Thìn bị Giáp Tuất thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Giáp Tuất.

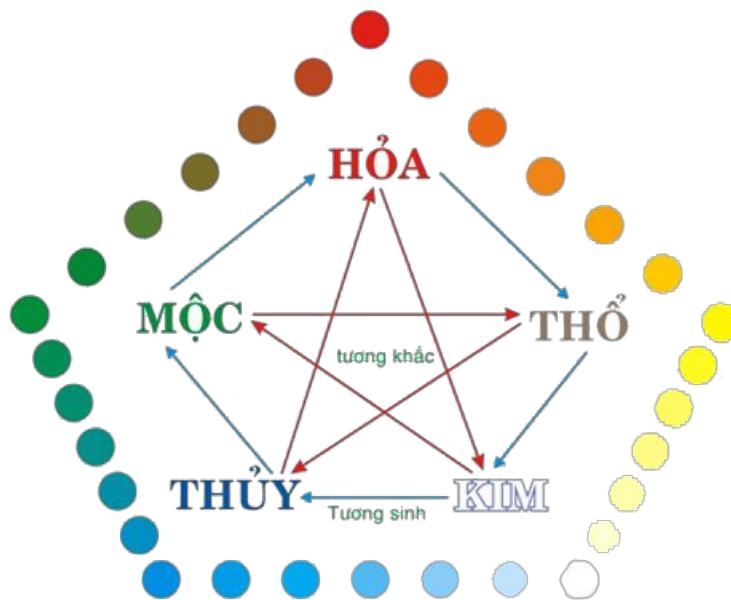
Trụ Tháng Canh Thân bị Bính Dần thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Bính Dần.

Trụ Ngày Đinh Tỵ bị Quý Hợi thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Quý Hợi.

Trụ Giờ Tân Hợi bị Đinh Tỵ thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Đinh Tỵ.

Theo chúng tôi nhận xét (hành can trụ ngày) sơ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	HỎA	THỔ	KIM	THỦY
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương	Hoàn chỉnh Dương	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực

Ngũ hành	CÚC MỘC	CÚC HỎA	TỔ HỒ	Kim	Thủy
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoắn ngèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đởm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hé, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất ĐẠI	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

## Bình Giải Chung

### Tổng Quan Người Thuộc Hỏa

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Hỏa có nước da vàng, râu vàng, mũi lộ; lông mày thưa, ngực nỗi, bàn tay nhọn, trán dô; môi cong, răng lộ và nhổ nhọn; đầu bằng và đỉnh đầu bằng; tay chân gầy khẳng, gân guốc; điệu bộ nhanh nhẹn; tai nhọn, tròng mắt khô; lưỡng quyền cao và tiếng nói mau.

Nhìn chung, người thuộc Hỏa hợp với phuơng Nam. Thích hợp với các nghề có liên quan tới văn hóa, nghệ thuật hoặc công việc kinh doanh những mặt hàng đó, chẳng hạn như ánh sáng, cắt tóc, thực phẩm, giáo viên, xuất bản, văn phòng phẩm...

### Quý Anh Người Thuộc Hỏa Vượng

Người mà Hỏa vượng thì đầu nhô, chân dài, mày rậm, tai nhô, vóc người trên nhọn dưới nở, tinh thần hoạt bát, tính nóng gấp nhưng lễ độ với mọi người. Tuy nhiên, nếu người Hỏa quá vượng thì dễ mắc các bệnh về hệ tiêu hoá, tuần hoà, hoặc bệnh phàn mặt, răng, lưỡi.

### Cung Mệnh ở Tuất sao Thiên át

Quý Anh có tài nghệ thuật, tính ôn hoà.

### Trụ năm của Quý Anh có Thương Quan

Trụ năm có thương quan (thương) nếu là kỵ thần thì tổ nghiệp phiêu tán, bạc phúc lắm tai ương. Trường hợp can chi đều thương quan thì một đời tai nạn tật ách. Năm vận thương quan thì mặt có theo. Trường hợp năm thương quan tháng chính tài mà hai sao đó là hỷ dụng thần thì phát đạt phú quý nhưng nếu là kỵ thần thì có tai ách. Trường hợp năm và giờ đều có thương quan và là kỵ thần thì khắc con. Nếu là hỷ thần thì có thể giải được.

### Trụ tháng của Quý Anh có Chánh Tài

Trụ tháng có chính tài là cần cù lao động hoặc được ân đức của bô mẹ. Trường hợp tọa kiến lộc hoặc cát thần quý nhân thì song thân có phúc được thừa kế di sản. Trường hợp tọa mộ: Kiệt sỉ như thần giữ cửa, tọa tuyệt không được vợ trợ giúp. Trường hợp tháng chính tài có giờ kiếp tài thì bô tốt phát đạt nhưng con thì xấu.

### Trụ ngày của Quý Anh có Kiếp Tài

Trụ ngày có kiếp thì hôn nhân muộn hoặc có biến động nếu mang thêm dương nhẫn thì trai hình vợ, nữ khắc chồng. Nam đoạt tài vợ. Người bạn dời kiêng ngạo, thích ăn diện, phù hoa không thực, khẳng khái trọng tình nghĩa.

### Trụ giờ của Quý Anh có Thiên Tài

Trụ giờ có thiên tài (tài) thì con cái khảng khái, trọng nghĩa khinh tài, thích biện bác, thích đầu cơ. Nếu năm và tháng không có thiên tài mà ngày giờ có thiên tài lại không gặp hình xung, tì, kiếp thì về già phát đạt. Nếu giờ can thiên tài mà giờ chi có tì, kiếp thì thương vợ cả tốn vợ bé.

### Trụ giờ bị trụ ngày thiên khắc địa xung

Trụ giờ và trụ ngày gặp Thiên khắc địa xung.

### Chi ngày xung chi giờ

Ngày chi xung giờ chi: Khắc vợ tốn con.

### Ngày sinh của Quý Anh là ngày Cô Loan Sát

Gặp ngày Cô Loan Sát nam thì dễ khắc vợ, nữ thì dễ khắc chồng, chậm có con.

### Ngày sinh của Quý Anh là ngày Nhật Nhẫn

Gặp ngày Nhật Nhẫn chủ về có dũng khí, quả quyết, nam phần nhiều khắc vợ, nữ phần nhiều khắc chồng.

### Tú Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

### Tú Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

### Tú Trụ của Quý Anh có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

### Trụ ngày có Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

### Tú Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

### Tú Trụ của Quý Anh có Dịch Mã

Dịch mã / Trạch mã sao chủ về di chuyển điều động. Gặp xung: như ngựa hoang chạy nhảy. gặp hợp như ngựa đã buộc dây đeo yên khó lòng bay nhảy. Năm vận gặp dịch mã thì di cư thay đổi nghề nghiệp hoặc ra nước ngoài.

### Trụ giờ có Dịch mã và Ngày chủ mạnh

Ngày chủ mạnh: Tú trụ gặp dịch mã làm về nghành giao thông.

## Trong tú trụ có Kiếp Sát

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tẩu sắc phá gia tài.

b: Või thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.

c: Või hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

## Trong tú trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

a: Või hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.

b: Või kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhẫn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.

c: Või kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

## Trụ ngày có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Chi ngày có sông dê chủ mắt lồi, tính nóng hung bạo hại người hay theo bè đảng, gặp sinh vượng còn đỡ, gặp tử tuyệt thì nặng hơn.

## Trụ ngày có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Nam gặp sông dê (ở mệnh?) lấy vợ hai lần, nữ gặp sông dê tất sê tái giá.

## Tứ Trụ có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Người mà ngũ hành lại gặp sông dê thì dễ gặp tai nạn máu me, ngày gặp sông dê còn chủ về vợ hay bệnh tật.

## Trụ ngày có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Ngày có Sông dê: Vợ hoặc chồng yếu đau bệnh tật.

## Cô thần Quả Tú(trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Những người mà trong mệnh gặp quả tú là những người có nét mặt không tươi vui, hơi khắc khổ, không lợi cho người thân. Nếu mệnh người đó sinh vượng thì còn đỡ, tử tuyệt thì nặng hơn, nếu gặp cả trạch mã thì lang thang bốn phương. Nếu gặp tuần không, vong là từ bé đã không có nơi nương tựa. Gặp tang điếu thì cha mẹ mất liền nhau, suốt đời hay gặp trùng tang hoặc tai họa chồng chất, anh em chia lìa, đơn hàn bất lợi. Gặp vận tốt thì việc hôn nhân muộn, gặp vận thấp kém thì lang thang dời chuyển mãi. Mệnh nam, sinh chỗ vợ tuyệt lại còn gặp cô thần, thì suốt đời khó kết hôn, nữ mệnh sinh chỗ chồng tuyệt còn gặp quả tú thì có lấy được chồng cũng khó mà bách niên gai lão. Nam gặp cô thần nhất định tha phuơng cầu thực, nữ gặp quả tú thường là mất chồng. Cô thần, quả tú người xưa bàn rất nhiều, chủ về nam nữ hôn nhân không thuận, mệnh khắc lục thân, tai vạ hình pháp, nhưng nếu trong tứ trụ phối hợp được tốt, còn có quý thần tương phù thì không đến nỗi nguy hại thậm chí "cô quả cả hai thần lại còn gặp qua ,Ấn, thì nhất định làm đầu đảng ở rừng sâu". Nhưng hôn nhân thường không thuận là điều chắc, hơn nữa lúc phạm vào ngày tháng sẽ khắc phụ mẫu.

## Cô Loan (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa)

Cô loan: chủ yếu nói về hôn nhân không thuận. "Nam khắc vợ, nữ khắc chồng".

## Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

## Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tứ trụ của Trần Viên trang 230)

Trạch mã là hỉ, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận đồ.ng. Mã là kị, nhiều nhất là bôn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuần mã được thúc thêm; mã bị hợp hoặc bị hóa thì như mã bị trói. Mã tinh là thực thương nếu gặp tài vận là hỉ, phát tài rất nhanh. Nhâm thân, quý dậu là kiềm phong mã, trụ ngày người như thế là gặp mã tinh. Người xưa nói: "Đầu ngựa treo kiềm là uy trấn biên cương". Mã tinh ở trụ giờ thì thường được điều động di xa, ra nước ngoài, v.v..

## Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong túc là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ

tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gấp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gấp tài cục là tài vượng, gấp quan cục là quan vượng, gấp thương quan cục là xì hơi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thắn, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt túc là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu túc là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẩn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tinh túc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghiệp nhờ việc công. Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nối được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

### **Đại hao / Nguyên thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 156)**

Nguyên thần còn có tên là Đại hao, là không hợp. Dương sau âm trước là có gấp khúc, gấp khúc là việc không suôn sẻ; Âm sau Dương trước là thẳng nhưng không toại nguyện túc là việc có bạo động mà không trị được, nên gọi là nguyên thần.

Nguyên thần là thần hại trong mệnh. Người trong tứ trụ đã có Thất Sát làm hại, còn gặp phải nguyên thần thì hại càng nặng hơn, không có nguyên thần thì nhẹ.

Nguyên thần tuy xấu, lưu niên đại vận gặp là không tốt, nhưng biết được điều xấu, tránh xa phuong của nguyên thần thì có thể vô hại.

### **Kinh dương / Dương nhẫn (trích sách Nhập Môn Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Trần Viên trang 232)**

Mệnh gặp phải Kinh dương là hung nhiều cát ít. Lộc quá mức thì sinh kinh dương túc là thành công đến cực đỉnh mà vẫn chưa rút lui thì sẽ vượt quá giới hạn cho nên sẽ bị tổn thương vậy. Nếu là người có quý mệnh để áp chế sát thì kinh dương kết hợp tướng tinh sẽ tạo thành uy phong không ngăn cản nổi. Thân nhược gặp kinh dương thì nó có thể giúp trợ thân, nhưng mệnh có kinh dương thì nguy hiểm như làm bạn với hổ. Nếu kinh dương bị hợp xung, bị hình hoặc lâm tuế vận thì dễ bị tai nạn nghiêm trọng.

### **Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)**

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên át quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương túc thực thần kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thế. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thi đoan trang, ham học ham hiểu biết, muôn vương lê, cuộc đời lợi đường tiền chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường dễ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

## **Ông Bà Cha Mẹ**

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính

với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

**Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã**

**Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gặp 2 quý nhân trở lên**

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

**Trụ tháng gặp tài, quan vượng là cha mẹ vinh hiển.**

**Trong Tứ trụ Quý Anh thiên tài gặp vượng địa là cha trưởng thọ.**

**Trụ năm Quý Anh sinh hợp với nhật nguyên thì được cha mẹ yêu.**

**Chi ngày sinh cho chi năm là vợ có hiếu với cha mẹ chồng hoặc quan hệ mẹ chồng con dâu tốt.**

**Chính ân gặp trạch mã thì cha mẹ lập nghiệp ở phương xa.**

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứa tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bồ mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

**Trụ năm Quý Anh có thương quan là không lợi cho cha**

**Lệnh tháng là Kim khắc năm mệnh Mộc**

Lệnh tháng khắc năm thực chất là tháng khắc mệnh năm, tức cha mẹ không toàn vẹn được. Qua thực tiễn tổng kết kinh nghiệm thấy: tháng khắc năm rất ít khi mẹ mất mà phần nhiều cha mất.

**Ân tinh yếu quá lại đóng ở tuyệt địa là mẹ mất sớm.**

**Trong Tứ trụ Quý Anh đều có cả thiên và tài là mẹ sẽ lấy hai đời chồng.**

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

**Tài gặp vượng địa lại không bị phá hại thì нет nhà hưng thịnh.**

**Thân và tài đều là vượng là suốt đời vui thú với ruộng vườn cha ông để lại.**

**Tài vượng sinh quan là tuổi trẻ đã thành nghiệp.**

**Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.**

**Bị kình dương, thất sát cướp đoạt tài**

Bị kình dương, thất sát cướp đoạt tài hoá quỷ (xấu) là nhà cửa sa sút, xa rời quê hương.

**Ân tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.**

**Trong Tứ trụ gặp cả vong thần, thất sát là cha ông không để lại được gì.**

Trụ năm là thát sát, tǐ kiếp, thương quan là ông cha đói rách.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

## Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Trong Tứ trụ Quý Anh có tỉ kiếp, kình dương là anh em bất hòa, thường hay cãi nhau.

## Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Mậu Thìn** hợp với Nữ tuổi **Canh Ngọ - Quý Dậu** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phòi hôn nam nữ là chọn những năm sinh phòi hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phòi hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phòi hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tuỳ ý chọn.

Vợ chồng Quý Anh có trụ năm tương sinh hoặc thiên hợp địa hợp thì bách niên giai lão.

Quý Anh có Can chi của ngày giống nhau là hao tổn tài, không lợi cho vợ chồng.

Nam gặp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gặp thương quan là có tái giá.

Quý Anh gặp kình dương thì vợ chồng bất hòa và không lợi cho con.

Nam gặp kình dương là lấy vợ hai lần, nữ gặp kình dương tất sẽ tái giá.

Quý Anh bị Quan sát hỗn tạp, thương quan nhiều, nếu nam gặp phải là người ham mê tisz sắc, nữ gặp phải là người theo trai.

Quý Anh Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quản bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.

Quý Anh bị Cô loan nhập mệnh là chồng khóc vợ, hoặc vợ khắc chồng.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phòi hôn.

Quý Anh có Kiếp tài đóng ở ngày, chủ về vợ nội trợ tốt, hoặc nhờ vợ mà phát tài.

Quý Anh có Tài tinh đóng ở ngày lại là tướng tinh thì nhất định vợ là con nhà phú quý.

Chi ngày Quý Anh là dần thân tị hợi thì vợ đôn hậu

Mệnh nam Quý Anh lấy vượng làm phúc.

Quý Anh có Chính tài vượng là vợ cả không dung thứ vợ lẽ.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.

Quý Anh có Tài tinh được ngôi là nhờ vợ mà giàu.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Anh có Tài rõ thân vượng là vợ đẹp.

Trong Tứ trụ Quý Anh có kinh dương gặp tuế vận là của cải hoa tán, khắc vợ, hại con.

Trong cục có tài nhiều thì khắc vợ nặng, không có tài thì khắc nhẹ hơn. Khi mà can chi của đại vận gặp can chi lưu niên (tức trong 60 ô nhỏ theo từng năm trên lá số) thì gọi là tuế vận.

Trong Tứ trụ Quý Anh có kiếp tài, kinh dương là khắc cha, làm tổn thương vợ, hoa tán của cải.

Quý Anh Gặp cả kinh dương và kiếp tài thì phải lấy vợ lần nữa.

Quý Anh có Kinh dương đóng ở trụ ngày thì vợ không hiền và hao tài.

Quý Anh có Can ngày vượng, chỉ ngày là kinh dương thì khắc vợ hoặc vì vợ mà phá sản.

## Công Danh Sư Nghiệp

### Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phuơng nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tốn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nêu nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế , đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tứ trụ Quý Anh có tài thì cái ăn, cái mặc không thiếu.

Quý Anh có Tài lộ rõ là người hào phóng khảng khái.

Quý Anh có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Anh có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có cửa thì khó mà quyền quý.

Quý Anh Thân vượng, tài vượng là phúc, nếu thêm quan tinh thì càng tuyệt diệu.

Quý Anh Thân vượng, tài nhiều là tiền của vừa ý.

Trụ giờ Quý Anh có thiên tài, các cung khác kị không có, như thế mới quý.

Trong trụ Quý Anh có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Trong trụ Quý Anh gặp đất hợp tài là cơ nghiệp bền vững.

Quý Anh có tài nhiều lại dựa vào ấn thụ để hộ thân là người có vợ hiền, con đẹp, cuối đời hạnh phúc.

Quý Anh Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sửu, người tị, dậu, sửu gặp át mùi, người thân, tý, thìn gặp bính tuất ; người hợi, mão, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Anh có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp cửa.

Quý Anh có Thương quan sinh tài thì sẽ tự nhiên giàu có.

Quý Anh có Thương quan sinh tài thì sẽ tự nhiên giàu có.

Tài tinh Quý Anh chỉ có một ngôi mà được thời là nhà phú quý, nhưng người tính nóng

Quý Anh Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Trong Tứ trụ Quý Anh thương quan sinh ra tài thì nguồn của dồi dào.

Quý Anh có Tài gặp đất phùng sinh tiền của vạn kho.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Trong trụ Quý Anh vốn có tài tinh thì nên hành đến quan vận, hành quan vận sẽ phát tài.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Quan sẽ phát tài.

Quan tinh Quý Anh là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Trên trụ giờ Quý Anh có thiên tài thì sợ anh em, đến đại vận và lưu niên có Kiếp Tài thì sẽ bị phá tài và tranh tài.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Anh có 1 Tài lộ 2 Tài ẩn

Thương quan Quý Anh có Tài đến những năm đại vận và lưu niên gặp Quan, Sát, và kế bên có chữ Suy, Tuyệt thì sẽ mất tài, mất lộc.

Quý Anh Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Tài tinh gặp kình dương thì mất cửa, mất người.

Quý Anh có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai hoạ liên miên.

## Quan Vận

---

Quý Anh có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Anh có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Anh có Thương Quan thấu, Chính Quan ẩn, gặp Sát Ân Tài, vị trọng quyền cao.

Quý Anh Ân lâm Thiên Ât, mẩy đời làm quan.

Quý Anh có Quan ở cung giờ, mạng cường, tuổi về già được phong quan.

Quý Anh có Mã ở trụ giờ, tuổi già được tấn phong chức tước (Nguyệt lệnh Chính Tài cách, không xung khắc, mạng vượng)

Quý Anh có Tài trước, sau là Ân, mỗi năm thăng quan một lần ( Trụ năm Tài trụ tháng Ân hoặc tháng Tài giờ Ân).

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Anh có Thương Quan đới Ân, nhậm chức chỉnh đốn kỷ cương trong triều.

Quý Anh có Quan Sát hồn tạp, không quý hiển được c.

Quý Anh có Tài Quan Ân đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Hỏa thịnh, văn chương sáng láng.

Thiên Quan Quý Anh bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Ân Quý Anh bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Anh có Thương Quan đới Án, có đảm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Quý Anh có Thương Quan thân vượng Tài vượng, có tên bảng vàng (Chỉ Thương Quan thương tận).

Quý Anh Tàng Án lộ Tài tự thân vượng, công danh hiển vinh.

Thời tọa Chính Quan, có tuổi mới thành danh.

## Nghề Nghiệp

Quý Anh có Sát Án tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Anh có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Anh có Thương Quan Thương tận, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Anh có Sát Án tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Anh có Tài ché Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Anh có Chính Quan Thiên Ân tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Nhật chi tọa Thương Quan hoặc thiên can thấu Thiên Quan, hợp nghề kỹ thuật, sản xuất, học giả.

Quý Anh Có Tài tinh và Dịch Mã, hợp giao thông vận tải, buôn bán, thông tin, truyền thông...

Quý Anh Thân vượng Thiên Tài vượng, không bị Không phá, mang cự phú.

Quý Anh Thân vượng Thiên Tài vượng, có Không phá, nhà kinh doanh nhỏ, hoặc nhà kinh doanh giỏi giao tế.

Quý Anh có Thiên Tài gấp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Anh có Thiên Tài gấp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

### Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thủ

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thủ, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

### Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Mộc

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Mộc, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản,công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

## Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ân tình không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lύ át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh có Thương quan gặp tài, thát sát bị kiềm chế là nhiều con.

Quý Anh có Thương quan đến vận gặp tài là có con.

Trên trụ giờ Quý Anh gặp quý nhân trạch mã là sinh con hiếu đế.

Trụ ngày Quý Anh phạm cô loan là không có con, chỉ khi nào đến vận gặp Quan tinh thì mới có con.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh, hiền hiếu, làm rạng rõ tổ tiên.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can Quý Anh giờ vượng là sinh con trai.

Người sinh vào ngày giờ bính, đinh thì mắt to, râu dài, trán hẹp, tuổi trẻ nhiều bệnh hoạn.

Sinh vào ngày giờ tân thì mắt phượng, tai chầu miệng có dái tai to.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra nambi nghiêm.

Cha có thát sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thát sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày can giờ khắc nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Quý Anh Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Trụ tháng Quý Anh có tài thì tuy đứa con giàu có nhưng là con nuôi.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

## Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Anh có Thương quan bị chế phục thái quá, đề phòng mắt đau, chân đau.

Quý Anh có Thương quan trùng trùng, đề phòng đau ở eo, chân, xương.

Mộc hỏa tương sinh mà lại quá vượng, thường cảm thấy tỳ vị căng đầy, sức ăn vẫn bình thường nhưng hễ ăn vô liền thấy no hoặc bị đè ép, ợ hơi, buồn nôn.

Nhật chủ cao cường, bình sinh ít bệnh.

Kim yếu gặp hỏa vượng, bệnh về đường huyết là chắc chắn.

Mộc bị kim khắc, đau gân cốt, đau sườn, đau lưng.

## Hướng Dẫn Xem

### Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số túc trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là túi thử dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó

yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trùm sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trùm Sinh	Thai	Dưỡng	Trùm Sinh	Mộc Dục	Quan Dói	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

### Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiến Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trùm sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trùm sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trùm sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của túc trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trùm sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về túc trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980	Trụ Tháng 04	Trụ Ngày 16	Trụ Giờ 17:17																																											
<table border="1"> <tr> <td>Thương</td> <td>Dưỡng</td> </tr> <tr> <td>CANH</td> <td>THÂN</td> </tr> <tr> <td>Canh</td> <td>Mậu</td> </tr> <tr> <td>Thương</td> <td>Kiếp</td> </tr> <tr> <td>Dưỡng</td> <td>Q.Đói</td> </tr> </table>	Thương	Dưỡng	CANH	THÂN	Canh	Mậu	Thương	Kiếp	Dưỡng	Q.Đói	<table border="1"> <tr> <td>Thương</td> <td>Dưỡng</td> </tr> <tr> <td>CANH</td> <td>THÌN</td> </tr> <tr> <td>Mậu</td> <td>Ất</td> </tr> <tr> <td>Kiếp</td> <td>Sát</td> </tr> <tr> <td>Q.Đói</td> <td>Quý</td> </tr> </table>	Thương	Dưỡng	CANH	THÌN	Mậu	Ất	Kiếp	Sát	Q.Đói	Quý	<table border="1"> <tr> <td>Thần</td> <td>Tỷ</td> <td>Suy</td> </tr> <tr> <td>KỶ</td> <td>MÙI</td> <td>Q.Đói</td> </tr> <tr> <td>Kỷ</td> <td>Át</td> <td>Đinh</td> </tr> <tr> <td>Tỷ</td> <td>Sát</td> <td>Kiêu</td> </tr> <tr> <td>Suy</td> <td>Q.Đói</td> <td>Suy</td> </tr> </table>	Thần	Tỷ	Suy	KỶ	MÙI	Q.Đói	Kỷ	Át	Đinh	Tỷ	Sát	Kiêu	Suy	Q.Đói	Suy	<table border="1"> <tr> <td>T.Tài</td> <td>Dưỡng</td> </tr> <tr> <td>QUÝ</td> <td>DẬU</td> </tr> <tr> <td>Tân</td> <td>Thực</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Mộ</td> </tr> </table>	T.Tài	Dưỡng	QUÝ	DẬU	Tân	Thực		Mộ
Thương	Dưỡng																																													
CANH	THÂN																																													
Canh	Mậu																																													
Thương	Kiếp																																													
Dưỡng	Q.Đói																																													
Thương	Dưỡng																																													
CANH	THÌN																																													
Mậu	Ất																																													
Kiếp	Sát																																													
Q.Đói	Quý																																													
Thần	Tỷ	Suy																																												
KỶ	MÙI	Q.Đói																																												
Kỷ	Át	Đinh																																												
Tỷ	Sát	Kiêu																																												
Suy	Q.Đói	Suy																																												
T.Tài	Dưỡng																																													
QUÝ	DẬU																																													
Tân	Thực																																													
	Mộ																																													

### Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

### Ý Nghĩa của 10 thần:

**1. Quan** (Chính quan) là cái khắc tui, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, không chế Tỷ và Kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

**2. Sát** (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tói, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh án, công phá Thân, khắc chế tỳ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

**3. Án** (Chánh án) là cái sinh ra tói, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, án có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính án là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính án, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính án, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

**4. Kiêu** (Thiên án) là cái sinh phù tói, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên án sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên án có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên án quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túy trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên án lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí ) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên án được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên án, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

**5. Tỷ** (Kiên, Ngang vai) là ngang tói (là can có cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

**6. Kiếp tài** cũng là ngang tói (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

**7. Thực** (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bè ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ân đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

**8. Thương** (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyễn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Số nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

**9. Tài** (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ân. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dàn và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

**10 T.Tài** (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thường, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ân. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình

duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhò cha hoặc nhò vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộc địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net